

Số: 229 /KH-TrTHCS VDD

Kiến Tường, ngày 29 tháng 10 năm 2022

KẾ HOẠCH **GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG NĂM HỌC 2022 - 2023**

Căn cứ Công văn số 4020/BGDĐT-GDTrH ngày 22/8/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học năm học 2022- 2023;

Căn cứ Quyết định số 7374/QĐ-UBND ngày 11/08/2022 của Ủy ban Nhân dân tỉnh về việc ban hành kế hoạch thời gian năm học 2022-2023 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Long An;

Căn cứ Công văn số 2696/SGDDĐT-GDTrH ngày 06/9/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học năm học 2022-2023; Phòng Giáo dục và Đào tạo

Căn cứ hướng dẫn số 638/PGDDĐT-GDTrH ngày 08 tháng 9 năm 2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) thị xã Kiến Tường về việc HD thực hiện nhiệm vụ Giáo dục THCS năm học 2022-2023 của phòng GD&ĐT Kiến Tường;

Thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học số 228 /KH-TrTHCS VDD ngày 29 tháng 10 năm 2022 của trường THCS Võ Duy Dương về việc thực hiện kế hoạch năm học 2022 – 2023;

Trường THCS Võ Duy Dương xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2022-2023 cụ thể như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH VÀ ĐỊNH HƯỚNG XÂY DỰNG KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG NĂM HỌC 2021 - 2022

1 Đặc điểm tình hình

1.1. Thuận lợi:

- Đảng và Nhà nước có chủ trương chỉ đạo thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo (GDĐT) thông qua Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 Hội nghị Trung ương 8 khóa XI.
- Lãnh đạo địa phương và phụ huynh học sinh có niềm tin đối với nhà trường trong công tác giảng dạy và giáo dục đạo đức học sinh.
- Chương trình giáo dục phổ thông (GDPT) 2018 là chương trình mở, tăng tính chủ động cho nhà trường việc tổ chức dạy và học.
- Đội ngũ cán bộ, giáo viên đều đạt chuẩn đào tạo trở lên: 78/78 đạt 100%.
- Đa số học sinh ham mê học tập, có tinh thần vượt khó để vươn lên.

- Tập thể CB – GV - NV nhà trường có ý thức và quyết tâm cao trong việc thực hiện nhiệm vụ năm học 2022 - 2023.

1.2. Khó khăn:

- Năm học diễn ra trong thời điểm dịch Covid 19 vẫn còn diễn biến phức tạp, nhà trường vẫn áp dụng tổ chức dạy học trực tuyến đối với việc dạy bù, phụ đạo học sinh trung bình - yếu, một số gia đình hoàn cảnh kinh tế gặp khó khăn, thiếu điều kiện học trực tuyến (máy tính, điện thoại thông minh) ảnh hưởng đến quá trình học tập của con em.

- Trong học sinh chất lượng văn hóa còn có sự phân cực.

- Một số ít phụ huynh học sinh chưa thực sự quan tâm đến việc học tập của con em mình.

- Thiết bị dạy học của nhà trường chưa thực sự đủ đảm bảo phục vụ cho dạy học đáp ứng thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với lớp 6 và 7 năm học 2022 – 2023.

- Tỷ lệ học sinh xếp loại học lực yếu, kém tuy đã từng bước khắc phục, có nhiều tiến bộ nhưng vẫn còn cao, đây là mặt yếu kém lớn nhất của trường trong các năm qua sẽ được từng bước khắc phục kể từ năm học: 2022 - 2023.

- Đội ngũ giáo viên đại đa số nhiệt tình công tác, hoàn thành nhiệm vụ, tỷ lệ chất lượng chuyên môn giảng dạy ở một số giáo viên Toán, Lý, Hóa, Văn, Tiếng Anh của một số giáo viên chưa cao, số ít giáo viên tiếp cận công nghệ thông tin trong giảng dạy và công tác còn hạn chế.

- Hơn 1/5 học sinh đến từ các xã vùng ven, các em phải đi học xa hoặc ở nhà trọ nên thiếu sự quan tâm của gia đình, còn nhỏ tuổi nên bị bạn bè rủ rê lôi kéo nghỉ học đi chơi, dẫn đến tình trạng cúp tiết, nghỉ học không xin phép nên học tập sa sút hoặc bỏ học.

1.3. Điểm mạnh:

- Cơ sở vật chất nhà trường quy mô, khang trang, văn hóa, sạch đẹp đạt danh hiệu trường đạt chuẩn quốc gia.

- Có đội ngũ giáo viên đầy đủ về số lượng, trình độ chuyên môn vững, nhiều năm kinh nghiệm, nhiệt tình công tác. Đa số giáo viên có ý thức tự học để nâng cao trình độ, tay nghề. Tập thể sư phạm đoàn kết, luôn hỗ trợ giúp đỡ lẫn nhau để cùng tiến bộ.

- 100% giáo viên có máy vi tính, 100% CB, GV sử dụng thành thạo giáo án điện tử; 100% CB, GV có chứng chỉ tin học trình độ A trở lên, 100% CB, GV có chứng chỉ Ngoại ngữ.

- 77,25% cán bộ, giáo viên đạt trình độ chuẩn (*Theo Luật Giáo dục 2019*).

- Đa số học sinh đều chấp hành nội quy, qui định của nhà trường, tham gia các hoạt động của trường, của Hội đồng Đội tổ chức.

1.4. Điểm yếu, hạn chế:

Hơn 1/5 học sinh đến từ các xã vùng ven, các em phải đi học xa hoặc ở nhà trọ nên thiếu sự quan tâm của gia đình, còn nhỏ tuổi nên bị bạn bè rủ rê lôi kéo nghỉ học đi chơi, dẫn đến tình trạng cúp tiết, nghỉ học không xin phép nên học tập sa sút hoặc bỏ học.

2. Định hướng xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường

2.1. Quy mô số lớp, số học sinh, CBGVNV toàn trường năm học 2022 – 2023:

- Tổng số lớp: 40 chia ra: lớp 6: 11 lớp, lớp 7: 09 lớp, lớp 8: 10 lớp, lớp 9: 10 lớp.
- Tổng số học sinh toàn trường: 1535/758. Trong đó:
+ Khối 6: 421/202 hs; khối 7: 332/169 hs; khối 8: 393/195 hs; khối 9: 389/211 hs.
- Tổng số CB, GV, NV: 88, trong đó: nữ: 62, chia ra: HT: 1, PHT: 2, giáo viên 78, nhân viên: 07.
- Tổng số đảng viên 45, nữ: 31.
- Biên chế: 86, hợp đồng: 02 NV.
- Trình độ: Thạc sỹ: 01, ĐH: 62, CĐ: 22, TC: 00.
- Số tổ bộ môn 7, chia ra: Tổ Toán - Tin, Tổ KHTN (Lý-Hóa-Sinh), Tổ Công Nghệ, Tổ Ngữ văn, Tổ Thể Dục - Mỹ Thuật- Âm Nhạc, Tổ Lịch Sử - Địa Lý -GD&CD, Tổ Tiếng Anh.

- Các bộ phận trong trường: 12, trong đó chia ra:

Lãnh đạo: 03; Kế toán: 01; Bảo vệ (BV): 01 (HĐ); Phục vụ: 01 (HĐ); Văn thư: 02; Y tế trường học: 01; Thiết bị: 01; Phổ cập: 01; Tổng phụ trách (TPT): 01.

2.2. Bố trí phòng học, phòng học bộ môn và các phòng chức năng:

- Nhà trường có 21 phòng học, đảm bảo mỗi lớp 01 phòng (2 ca/ngày). Mỗi phòng có 24 bộ bàn ghế 02 chỗ có kích thước, vật liệu, kết cấu, màu sắc theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ khoa học và Công nghệ, Bộ Y tế, phù hợp với học sinh.

- Nhà trường có 05 phòng bộ môn, đảm bảo phòng bộ môn theo quy định, gồm phòng bộ môn khoa học tự nhiên (có 02 phòng: Hóa học - Sinh học, Công nghệ - Vật lý), 01 phòng Tin học, 02 phòng ngoại ngữ.

2.3. Định hướng thực hiện chương trình dạy học:

+ **Đối với học sinh lớp 6,7:** Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT.

- Thực hiện theo hướng dẫn tại Công văn số 1496/BGDĐT-GDTrH ngày 19/4/2022 về việc triển khai thực hiện chương trình giáo dục trung học năm học 2022-2023 và quy định sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong Chương trình giáo dục phổ thông ban hành tại Thông tư số 13/2022/TT-BGDĐT.

- Tổ chức bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu kém: Ngay từ đầu năm nhà trường đã tiến hành xây dựng và triển khai kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu kém, tiến hành phân công GV phụ trách bồi dưỡng và phụ đạo cho học sinh.

- Lớp 6,7: không tổ chức dạy môn tự chọn.

+ **Đối với các lớp từ lớp 8, 9:** thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông ban hành kèm theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05/5/2006 của Bộ trưởng Bộ GDĐT và thực hiện dạy học theo hướng dẫn tại Công văn số 3280/BGDĐT-GDTrH ngày 27/8/2020 về việc hướng dẫn điều chỉnh nội dung dạy học cấp trung học cơ sở, trung học phổ thông. Khi xây dựng kế hoạch dạy học các môn học, lưu ý tăng cường bổ trợ các nội dung theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 để chuẩn bị cho học sinh lớp 9 học lên lớp 10 theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018. **(Lưu ý: Xây dựng KH bài dạy theo phụ lục 4 của Công văn 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020).** Lớp 8,9: Dạy môn tự chọn Tin học.

2.4. Phương thức tổ chức dạy học: Tổ chức dạy học trực tiếp theo quy định nhưng phải đảm bảo các quy định trong công tác phòng, chống dịch Covid_19.

2.5. Đối với tổ chức dạy học online (Áp dụng khi dịch covid_19 diễn biến phức tạp và theo chỉ đạo của cấp trên)

2.5.1. Công tác chỉ đạo, tổ chức

Việc triển khai dạy học trực tuyến được thực hiện theo Thông tư số 09/2021/TT-BGDĐT ngày 30/3/2021 về việc Quy định về quản lý và tổ chức dạy học trực tuyến trong cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên.

Căn cứ vào tình hình thực tế của việc phòng chống dịch bệnh Covid – 19 nhà trường sẽ tổ chức xây dựng kế hoạch dạy học online phù hợp với việc dạy của giáo viên và học của học sinh một cách đồng bộ.

2.5.2. Hình thức dạy:

GV tổ chức dạy học cho học sinh thông qua Google meet kết hợp giao bài qua Zalo nhóm lớp.

Cung cấp tài khoản học tập online cho giáo viên, học sinh bằng phần mềm Microsoft Team, Zoom, google meet,...

Tỷ lệ dạy tiết dạy học online có thể linh hoạt phù hợp với điều kiện thực tiễn của nhà trường và tình hình phòng chống dịch bệnh Covid – 19 để đảm bảo tiến độ hoàn thành chương trình theo Khung kế hoạch năm học.

2.5.3. Công tác chuẩn bị cho việc tổ chức dạy và học trực tuyến của trường:

Nhà trường phân công CB, GV và NV của trường tổ chức phối hợp với PHHS, địa phương và các xã của các huyện lân cận trong việc rà soát, phân loại, nắm chắc từng điều kiện học tập của học sinh và phân làm 2 nhóm sau:

+ **Nhóm đối tượng 1:** Học sinh có đủ điều kiện tham gia học trực tuyến theo hướng dẫn tại công văn số 2266/PA-SGDĐT ngày 27/8/2021 của Sở GD&ĐT về phương án tổ chức dạy và học năm học 2021 – 2022 trong điều kiện phòng, chống dịch bệnh Covid-19.

+ **Nhóm đối tượng 2:** Học sinh chưa có điều kiện học trực tuyến thì nhà trường phân công các giáo viên bộ môn phối hợp với giáo viên chủ nhiệm, giáo viên làm công tác phổ cập và PHHS cung cấp tài liệu học tập cho học sinh đồng thời tham mưu Phòng GD&ĐT, chính quyền địa phương vận động các lực lượng tình nguyện của địa phương tham gia hỗ trợ nhà trường trong việc giao tài liệu học tập cho các em học sinh. Cụ thể trong việc rà soát và lập danh sách các em không có điều kiện tham gia học trực tuyến.

2.5.4. Về nội dung dạy trực tuyến:

Giao tổ trưởng các tổ chuyên môn của trường phân công, phối hợp với GVBM tóm tắt nội dung trọng tâm, nội dung cốt lõi để học sinh dễ nắm bắt, các nhiệm vụ của học sinh phải thực hiện trong từng bài học cho học sinh, quy định thời gian học sinh hoàn thành nhiệm vụ và phản hồi kết quả học tập, giải đáp thắc mắc của học sinh,...

Ưu tiên các nội dung mang tính chất lí thuyết, có thể hướng dẫn học sinh khai thác sử dụng hiệu quả sách giáo khoa để học tập và giới thiệu, tư vấn cho học sinh tự học thông qua các nguồn như: PM tự học, kho học liệu, Truyền hình, ...

Lưu ý: Khi xây dựng kế hoạch giáo dục (PPCT), quý thầy cô không đưa vào dạy các nội dung đã giảm tải, các nội dung khác trong chương trình không yêu cầu; bám sát yêu cầu cần đạt của từng nội dung bài học/chủ đề của các môn học.

2.5.5. Các môn học dạy trực tuyến qua Google meet:

+ **Khối 6,7:** Toán; Ngữ văn; KHTN; Sử - Địa; GD&ĐT; T. Anh; Công nghệ; Tin Học; HĐGD; Mỹ thuật; Âm nhạc; GD&ĐT.

+ **Khối 8,9:** Toán; Ngữ văn; Lý; Hóa; Sinh; Sử; Địa; GD&ĐT; T. Anh; Công nghệ; Mỹ thuật; Âm nhạc.

+ **Các môn học dạy trực tuyến qua Zalo:** Môn Thể dục khối 6,7,8,9.

2.5.6. Phân công dạy: Nhà trường sẽ phân công khi có áp dụng hình thức học này.

2.6. Định hướng tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp:

Thực hiện theo hướng dẫn thực hiện chương trình giáo dục phổ thông hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp lớp 6,7 và gợi ý phân phối chương trình môn học cấp THCS từ năm học 2021 – 2022 môn HĐTN, HN lớp 6 (*đính kèm công văn số 2453/SGDĐT-GDTrH ngày 20/9/2021 của Sở GD&ĐT về việc hướng dẫn thực hiện, giới thiệu kế hoạch giáo dục các môn học, HĐGD lớp 6 – Chương trình GDPT 2018*).

Nhà trường căn cứ vào các công văn hướng dẫn của Phòng, Sở GD&ĐT và tiến hành phân công giáo viên thực hiện.

2.7. Định hướng thực hiện nội dung giáo dục địa phương cho học sinh khối 6 (35 tiết).

Thực hiện theo hướng dẫn thực hiện chương trình giáo dục phổ thông GD&ĐT lớp 6 và gợi ý phân phối chương trình môn học cấp THCS từ năm học 2021 – 2022 môn GD&ĐT - lớp 6 (*đính kèm công văn số 2453/SGDĐT-GDTrH ngày 20/9/2021 của Sở GD&ĐT về việc hướng dẫn thực hiện, giới thiệu kế hoạch giáo dục các môn học, HĐGD lớp 6 – Chương trình GDPT 2018*).

Lớp 7 thực hiện khi có HD của Phòng và Sở GD.

Nhà trường căn cứ vào các công văn hướng dẫn của Phòng, Sở GD&ĐT và tiến hành phân công giáo viên thực hiện.

II. MỤC TIÊU GIÁO DỤC CỦA NHÀ TRƯỜNG

1. Mục tiêu chung

Thực hiện đổi mới giáo dục phổ thông ở toàn cấp học.

Tập trung chỉ đạo dạy học theo chuẩn kiến thức, kỹ năng các bộ môn lớp 8,9 theo Quyết định số 16 của Bộ GD&ĐT về chương trình giáo dục phổ thông.

Thực hiện đánh giá chất lượng giáo dục theo Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư 58/2011/TT-BGD&ĐT, Thông tư 26/2020/TT-BGD&ĐT, Thông tư 22/2021/TT-BGD&ĐT ngày 20/7/2021 của Bộ GD&ĐT.

Tiếp tục triển khai có hiệu quả hoạt động đánh giá, công nhận trường đạt chuẩn quốc gia theo Thông tư số 18/2018/TT-BGD&ĐT ngày 22/08/2018 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn

quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

- Bồi dưỡng cán bộ quản lý, giáo viên:

- + 03/03 cán bộ quản lý, 78/78 giáo viên hoàn thành các Mô đun BDTX trực tuyến.

- + 100% giáo viên được phân công giảng dạy lớp 6,7 được tham gia tập huấn các kiến thức cơ bản, nâng cao đối với các nội dung chương trình dạy học.

- + 100% cán bộ quản lý, giáo viên tham gia bồi dưỡng thường xuyên, chuyên môn nghiệp vụ năm học 2022-2023.

2. Mục tiêu cụ thể: Kết quả phân đầu đạt được năm học 2022 - 2023

- **Đối với học sinh lớp 6,7 thực hiện CT GDPT 2018:**

- Tuyển sinh L6: 425/425 học sinh, đạt tỉ lệ 100%.

- + Kết quả rèn luyện của học sinh: Mức Tốt và Khá từ 90% trở lên.

- + Đánh giá kết quả học tập: Mức Tốt và Khá từ 60% trở lên.

- **Đối với các lớp 8, 9:**

Học lực: Loại giỏi trên 30%; Khá: trên 25%; TB: 40%; yếu, kém: dưới 5%.

- Hạnh kiểm: Loại Tốt: 80%; Khá: 17%; Loại TB: 3%; không có yếu.

- Lên lớp thẳng: trên 95%. Tốt nghiệp trung học cơ sở: Đạt 100%.

- Duy trì tốt số lượng, giảm tỷ lệ học sinh bỏ học trong năm học xuống dưới 1%. Tỷ lệ học sinh lưu ban dưới 1%.

- HSG các môn văn hóa lớp 9 cấp Thị xã: đạt từ 55 giải trở lên; HSG cấp tỉnh đạt từ 30 giải trở lên, phân đầu có giải nhất.

- Thi sáng tạo khoa học kỹ thuật dành cho học sinh trung học: đạt giải cấp TX và có sản phẩm được chọn dự thi cấp tỉnh.

- **Các danh hiệu thi đua:**

- Tập thể: TT lao động xuất sắc.

- CSTĐ cấp cơ sở (cấp TX): đạt 15%/TS LĐTT, SKKN cấp cơ sở (cấp TX): phân đầu đạt 40%/TS CB, GV, có SKKN và CSTĐ cấp tỉnh.

- Tỷ lệ GVDG, GVCN cấp trường: 30%, có GVDG giỏi cấp thị xã và cấp tỉnh.

- Thi GVDG, GVCN giỏi cấp trường. Tổ chức trong tháng 11 kết thúc đầu tháng 12/2022 (tùy điều kiện thực tế có thể thay đổi thời gian tổ chức). Tham gia Hội thi GVDG cấp TX.

- Thi giáo án tương tác: cấp trường mỗi tổ đều có sản phẩm dự thi; Có sản phẩm dự thi cấp thị xã và tỉnh.

- Thi giáo án E-Learning: Mỗi tổ CM có 1 giáo án; Có giải thưởng cấp thị xã và tỉnh.

- Đối với các môn Tin học tự chọn (8,9), Thể dục, nghệ thuật, Âm nhạc, Mỹ thuật, GDĐP, HDTN HN có chất lượng GD xếp loại Đạt là 100%.

- Đối với các môn Toán, Ngữ văn, Tiếng anh có chất lượng giảng dạy từ TB trở lên đạt 92%, loại yếu 6% điểm TB môn phải đạt từ 3,5 trở lên, 2% điểm TB môn từ 2,0 trở lên, không có điểm kém.

- Đối với môn còn lại có chất lượng giảng dạy từ TB trở lên đạt 95%, loại yếu 3% điểm TB môn phải đạt từ 3,5 trở lên, 2% điểm TB môn từ 2,0 trở lên, không có điểm kém.

III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG

1. Hoạt động chính khóa

1.1. Đối với khối lớp 6,7:

a. Số tiết tổng thể:

Nội dung giáo dục		Số tiết/năm học
Ngữ văn		140
Toán		140
Tiếng Anh		105
Giáo dục công dân		35
Lịch sử và Địa lý	Lịch sử	52
	Địa lý	53
	Chung	105
Khoa học tự nhiên	Vật lý	50
	Hóa học	24
	Sinh học	66
	Tổng hợp KHTN	140
Công nghệ		35
Tin học		35
Giáo dục thể chất		70
Nghệ thuật	Âm nhạc	35
	Mỹ thuật	35

Hoạt động trải, nghiệm hướng nghiệp	CC+SHL	70
	HDGD	35
Giáo dục địa phương		35
Tổng số tiết học/năm học (không kể các môn học tự chọn)		1015
Số tiết học trung bình/tuần (không kể các môn học tự chọn)		29

b. Phân chia định mức thực hiện: (Đính kèm phụ lục 4).

1.2 Đối với khối 8, 9 :

a) Định mức tiết dạy theo môn

TT	Môn	Số tiết thực hiện các môn của các khối lớp/năm			
			Lớp 8	Lớp 9	Ghi chú
1	Toán		140	140	
2	Ngữ văn		140	175	
3	Vật lí		35	70	
4	Hóa học		70	70	
5	Sinh học		70	70	
6	Lịch Sử		53	53	
7	Địa lí		53	53	
8	Tiếng Anh		105	105	
9	Công nghệ		53	35	
10	Tin học		70	70	
11	GDCD		35	35	
12	Thể dục		70	70	
13	Mĩ thuật		35	17	MT 9 Dạy ở HK II
14	Âm nhạc		35	18	AN 9 HK I

b) Phân bổ số tiết dạy cho từng học kỳ đối với các môn (Đính kèm phụ lục 5)

2. Hoạt động trải nghiệm

2.1. Đối với lớp 6,7: 105 tiết (Trong đó: 70 tiết cho Chào cờ, SHL và 35 tiết dạy học theo Chủ đề)

2.2. Đối với khối lớp 8, 9:

+ HĐNGLL: Thực hiện đủ các chủ đề qui định cho mỗi tháng với thời lượng 2 tiết/ tháng và tích hợp nội dung HĐNGLL sang môn GDĐCD như sau:

+ Ở các chủ đề về đạo đức và pháp luật. Đưa nội dung giáo về Công ước Quyền trẻ em của Liên hợp quốc vào thực hiện ở lớp 9 và tổ chức các hoạt động hưởng ứng phong trào: Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực vào HĐGDNGLL. Lồng ghép kiến thức về phòng chống bom mìn, an toàn giao thông vào chương trình HĐGDNGLL.

3. Các hoạt động giáo dục

3.1. Bồi dưỡng học sinh giỏi:

- Xây dựng đội học sinh giỏi các môn văn hóa, TDTT, văn nghệ và xây dựng kế hoạch bồi dưỡng; đảm bảo có học sinh tham gia kỳ thi chọn học sinh giỏi văn hóa các cấp, cuộc thi khoa học kỹ thuật dành cho học sinh trung học,...

- Phát huy sáng tạo, ứng dụng kiến thức vào thực tế; bên cạnh việc xây dựng đội ngũ học sinh giỏi, cần chú ý phát huy năng lực sáng tạo của học sinh thông qua các hoạt động như: hướng dẫn nhóm học sinh làm đề tài nghiên cứu khoa học.

- Phân công giáo viên có kinh nghiệm và tay nghề giỏi phụ trách bồi dưỡng học sinh

- Chọn đội tuyển HS giỏi cấp trường bồi dưỡng để chuẩn bị thi HS giỏi cấp thị xã và cấp tỉnh.

*** Chỉ tiêu:**

- HSG các môn văn hóa lớp 9 cấp Thị xã: đạt từ 55 giải trở lên; HSG cấp tỉnh đạt từ 30 giải trở lên, phần đầu có giải nhất.

- Thi sáng tạo khoa học kỹ thuật dành cho học sinh trung học: đạt giải cấp TX và có sản phẩm được chọn dự thi cấp tỉnh.

- Tham gia HKPĐ, VN cấp thị xã: Đạt giải cấp TX và học sinh được chọn dự thi cấp tỉnh.

3.2. Phụ đạo học sinh yếu kém:

- Tiến hành phân tích chất lượng học sinh vào cuối tháng 10/2022 để phân loại học sinh yếu, kém và lập kế hoạch:

+ Lấy kết quả học tập năm học trước, kết hợp với kết quả học tập trong tháng 10/2022 để phân loại.

+ Rà soát số học sinh Yếu tổ chức cho các em chọn chủ đề học tự chọn. GV xây dựng đề cương giảng dạy học chủ đề tự chọn phải sát với đối tượng học sinh, phải lập đề cương giảng dạy và được BGH duyệt. phụ đạo học sinh yếu, kém không quá 30 học sinh/nhóm. Nắm chắc tình hình, tìm hiểu nguyên nhân từng trường hợp

HS bỏ học nhằm hạn chế đến mức thấp nhất tình trạng học sinh bỏ học; vận động nhiều lực lượng xã hội tham gia nhằm duy trì sĩ số.

- Xây dựng bộ hồ sơ quản lý và chỉ đạo các tổ chuyên môn, giáo viên tham gia phụ đạo xây dựng bộ hồ sơ dạy học theo qui định.

- BGH tăng cường công tác quản lý chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá, rút kinh nghiệm.

- Những học sinh yếu, kém được nhà trường thông báo kết quả cho cha mẹ học sinh thường xuyên, liên tục. Tuyệt đối không để xảy ra tình trạng học sinh không đủ điều kiện lên lớp, dự xét tốt nghiệp THCS vào cuối năm học do thiếu thông tin giữa giáo viên bộ môn, giáo viên chủ nhiệm và gia đình học sinh. Đặc biệt tiếp tục áp dụng sổ liên lạc điện tử.

- Sau khi bồi dưỡng học sinh yếu kém, cuối năm kiểm tra đánh giá không có học sinh yếu kém.

*** Chỉ tiêu:**

- Tỷ lệ học lực học sinh cuối năm xếp loại yếu – kém dưới 1.5%.

- Thi tuyển sinh 10 năm học 2023-2024: Không có học sinh bị điểm liệt.

3.3. Dạy học tăng buổi và dạy học hai buổi/ngày: Áp dụng cho thời khóa biểu học trực tuyến trong điều kiện dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp (nếu có).

3.4. Đối với công tác đổi mới phương pháp dạy học theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh:

- Xây dựng kế hoạch dạy học các bài học bảo đảm các yêu cầu về phương pháp dạy học, kỹ thuật dạy học, thiết bị dạy học và học liệu, phương án kiểm tra, đánh giá trong quá trình dạy học. Tiến trình dạy học mỗi bài học được xây dựng thành các hoạt động học với mục tiêu, nội dung, cách thức thực hiện và sản phẩm cụ thể để giao cho học sinh thực hiện trong lớp học, ngoài lớp học, ở trường, ở nhà, cơ sở sản xuất, kinh doanh, tại di sản văn hóa và cộng đồng. Tăng cường giao cho học sinh tự nghiên cứu sách giáo khoa và tài liệu tham khảo để tiếp nhận và vận dụng kiến thức; dành nhiều thời gian trên lớp để tổ chức cho học sinh báo cáo, thuyết trình, thảo luận, luyện tập, thực hành, bảo vệ kết quả tự học của mình.

- Khuyến khích tổ chức, thu hút học sinh tham gia các hoạt động văn hóa - văn nghệ, thể dục - thể thao trên cơ sở tự nguyện của nhà trường, cha mẹ học sinh và học sinh, phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý và nội dung học tập của học sinh trung học; tăng cường giao lưu, hợp tác nhằm thúc đẩy học sinh hứng thú học tập, bổ sung hiểu biết về các giá trị văn hóa truyền thống dân tộc và tinh hoa văn hoá thế giới. Tiếp tục thực hiện tốt việc sử dụng di sản văn hóa trong dạy học một số môn học phù hợp.

*** Chỉ tiêu:**

- 100% GV BM thiết kế bài dạy bảo đảm các yêu cầu về phương pháp dạy học, kỹ thuật dạy học, thiết bị dạy học và học liệu, phương án kiểm tra, đánh giá trong quá trình dạy học theo quy định.

- 100% GV BM thực hiện tốt việc Đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá. Tiếp tục triển khai thực hiện giáo dục STEM trong năm học 2022 - 2023.

3.5. Thực hiện hiệu quả các phương pháp và hình thức kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển năng lực học sinh:

- Giáo viên ra đề sát đúng với trình độ của học sinh, đánh giá khách quan; kết hợp giữa kiểm tra đánh giá với hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập của mình.

- Thực hiện việc đánh giá học sinh trung học cơ sở theo đúng quy định (Thông tư 58/2011/TT-BGDĐT, Thông tư 26/2020/TT- BGDĐT, Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ GD&ĐT); Nhà trường, tổ/nhóm chuyên môn xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh phù hợp với kế hoạch giáo dục từng môn học, hoạt động giáo dục của nhà trường theo định hướng phát triển năng lực, phẩm chất của học sinh. Không kiểm tra, đánh giá những nội dung, bài tập, câu hỏi vượt quá mức độ cần đạt về kiến thức, kỹ năng của Chương trình GDPT hiện hành.

- Thực hiện có hiệu quả các hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì. Đối với bài kiểm tra, đánh giá định kì (trên giấy hoặc trên máy tính). Khuyến khích các giáo viên xây dựng ngân hàng câu hỏi, ngân hàng đề kiểm tra, đánh giá. Đối với các môn học, hoạt động giáo dục đánh giá bằng nhận xét, khuyến khích thực hiện việc kiểm tra, đánh giá định kì thông qua bài thực hành, dự án học tập phù hợp với đặc thù môn học, hoạt động giáo dục. Cụ thể:

+ Thực hiện đánh giá thường xuyên trực tiếp bằng các hình thức: hỏi - đáp, viết; đánh giá qua hồ sơ học tập, vở hoặc sản phẩm học tập; đánh giá qua việc học sinh báo cáo kết quả thực hiện một dự án học tập, nghiên cứu khoa học kỹ thuật, báo cáo kết quả thực hành, thí nghiệm; đánh giá qua bài thuyết trình về kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập.

+ Việc kiểm tra, đánh giá định kì, gồm kiểm tra, đánh giá giữa kì và kiểm tra, đánh giá cuối kì, được thực hiện thông qua: bài kiểm tra (trên giấy hoặc trên máy tính), bài thực hành, dự án học tập.

+ Đối với bài kiểm tra, đánh giá bằng điểm số thông qua bài kiểm tra trên giấy hoặc trên máy tính: đề kiểm tra phải được xây dựng theo ma trận, đặc tả câu hỏi tự luận, trắc nghiệm khách quan hoặc trắc nghiệm khách quan kết hợp với tự luận cần biên soạn theo mức độ cần đạt của chương trình môn học, hoạt động giáo dục.

+ Đối với kiểm tra, đánh giá bằng bài thực hành, hoặc dự án học tập: yêu cầu cần đạt của bài thực hành hoặc dự án học tập phải được hướng dẫn cụ thể bằng bảng kiểm các mức độ đạt được phù hợp với 4 mức độ nhận biết, thông hiểu, vận dụng, vận dụng cao của các kiến thức, kỹ năng được sử dụng.

+ Căn cứ vào mức độ cần đạt của chương trình môn học, hoạt động giáo dục, mức độ phát triển năng lực của học sinh, nhà trường xác định tỉ lệ các câu hỏi, bài tập theo 4 mức độ yêu cầu trong các bài kiểm tra, đánh giá đảm bảo sự phù hợp với đối tượng học sinh và tăng dần tỉ lệ các câu hỏi, bài tập ở mức độ yêu cầu vận dụng, vận dụng cao; có hướng dẫn cụ thể trước khi tổ chức thực hiện.

- Hiệu trưởng tổ chức kiểm tra, đánh giá đảm bảo nguyên tắc điểm số phản ánh đúng năng lực học sinh.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong đổi mới hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá; chuẩn bị tốt các điều kiện để từng bước tham gia triển khai các hoạt động kiểm tra, đánh giá, thi trực tuyến, bảo đảm chất lượng, hiệu quả.

- Tổ chức kiểm tra, đánh giá, xếp loại thể lực học sinh THCS theo quy định tại Quyết định số 53/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008 của Bộ GDĐT; lập hồ sơ và lưu trữ kết quả đánh giá, xếp loại thể lực học sinh THCS sau khi kiểm tra; tổng hợp và báo cáo Phòng GD&ĐT vào cuối năm học.

- Đối với môn Ngữ văn, thực hiện kiểm tra, đánh giá theo Công văn số 3175/BGDĐT-GDTrH ngày 21/7/2022 của Bộ GDĐT đối với khối lớp 6,7,8,9. Đối với môn Lịch sử, tăng cường các câu hỏi nhằm khai thác, sử dụng các nguồn sử liệu, tranh ảnh, lược đồ; câu hỏi mở tạo điều kiện cho học sinh tự biểu đạt chính kiến của mình về các vấn đề lịch sử, hướng tới đánh giá phẩm chất và năng lực học sinh, khắc phục tình trạng ghi nhớ sự kiện một cách máy móc.

- Chuẩn bị tốt các điều kiện để thực hiện kiểm tra, đánh giá theo hình thức trực tuyến đúng quy định, bảo đảm chất lượng, chính xác, hiệu quả, công bằng, khách quan, trung thực; đánh giá đúng năng lực của học sinh.

****/ Đối với một số môn học, hoạt động giáo dục lớp 6,7:***

- Môn Lịch sử và Địa lí bao gồm 02 phân môn Lịch sử và Địa lí, mỗi phân môn chọn 02 điểm kiểm tra, đánh giá thường xuyên trong một học kì; bài kiểm tra, đánh giá định kì gồm nội dung của 02 phân môn đã dạy học tính đến thời điểm kiểm tra, đánh giá.

- Môn Nghệ thuật bao gồm 02 nội dung Âm nhạc và Mĩ thuật, mỗi nội dung chọn 01 kết quả kiểm tra, đánh giá thường xuyên trong từng học kì; khuyến khích thực hiện kiểm tra, đánh giá định kì thông qua bài thực hành, dự án học tập. Bài kiểm tra, đánh giá định kì bao gồm 2 nội dung Âm nhạc, Mĩ thuật được thực hiện riêng theo từng nội dung tương tự như môn học đánh giá bằng nhận xét, kết quả bài

kiểm tra, đánh giá định kì được đánh giá mức Đạt khi cả 2 nội dung Âm nhạc, Mỹ thuật được đánh giá mức Đạt.

- Môn KHTN, chuyên môn chỉ đạo các giáo viên thống nhất để quyết định chọn 04 kết quả kiểm tra, đánh giá thường xuyên trong mỗi học kì (bài đánh giá định kì thực hiện theo qui định).

- Đối với Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp; Nội dung giáo dục địa phương: khuyến khích thực hiện việc kiểm tra, đánh giá định kì thông qua bài thực hành, dự án học tập. Các giáo viên thống nhất để quyết định chọn 02 kết quả kiểm tra, đánh giá thường xuyên trong mỗi học kì (bài đánh giá định kì thực hiện theo qui định).

*** Chỉ tiêu:**

- 100% giáo viên thực hiện đổi mới kiểm tra, đánh giá.
- 100% các đề kiểm tra: thường xuyên, giữa kỳ, cuối kỳ đều được tổ trưởng, BGH duyệt trước khi tổ chức cho học sinh kiểm tra, đánh giá.
- 100% giáo viên thực hiện trả bài kiểm tra cho học sinh công khai tại lớp, thực hiện tốt việc cho học sinh lưu giữ bài kiểm tra.
- Chấm bài kiểm tra phải đảm bảo tính chính xác, công bằng, có nhận xét ưu khuyết điểm bài làm của học sinh.

4. Hoạt động ngoại khóa

- Tổ chức tốt HĐGD – NGLL; hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong suốt năm học, tăng cường chỉ đạo và kiểm tra việc thực hiện chương trình theo hướng dẫn của Bộ GD-ĐTĐĐT.

- Thường xuyên coi trọng giáo dục đạo đức tư tưởng chính trị, an toàn giao thông, an toàn trường học, giáo dục thể chất, môi trường, tích cực phòng chống bạo lực học đường, phòng chống tệ nạn ma túy... trong học sinh.

- HĐNGLL: Thực hiện đủ các chủ đề qui định cho mỗi tháng với thời lượng 2 tiết/ tháng và tích hợp nội dung HĐNGLL sang môn GDĐĐ như sau:

- + Các lớp 6,7,8,9: ở các chủ đề về đạo đức và pháp luật. Đưa nội dung giáo dục về Công ước Quyền trẻ em của Liên hợp quốc vào thực hiện ở lớp 9 và tổ chức các hoạt động hưởng ứng phong trào: Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực vào HĐGDNGLL. Lồng ghép kiến thức về phòng chống bom mìn, an toàn giao thông vào chương trình HĐGDNGLL.

- HĐGDHN lớp 9:

- + 9 tiết/năm học, đưa một số nội dung GDHN 9 tích hợp sang HĐGDNGLL ở hai chủ điểm sau:

- + Tháng 3, chủ điểm: Tiến bước lên Đoàn.

+ Tháng 9, chủ điểm: Truyền thống nhà trường.

5. Đối với hoạt động đổi mới kiểm tra, đánh giá

- Đối với khối lớp 6,7:

Thực hiện việc đánh giá học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông theo đúng quy định Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ GD&ĐT.

Thực hiện đánh giá thường xuyên bằng các hình thức: hỏi - đáp, viết; đánh giá qua hồ sơ học tập, vở hoặc sản phẩm học tập; đánh giá qua việc học sinh báo cáo kết quả thực hiện một dự án học tập, nghiên cứu khoa học kỹ thuật, báo cáo kết quả thực hành, thí nghiệm; đánh giá qua bài thuyết trình về kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập.

Việc kiểm tra, đánh giá định kì, gồm kiểm tra, đánh giá giữa kì và kiểm tra, đánh giá cuối kì, được thực hiện thông qua: bài kiểm tra (trên giấy hoặc trên máy tính), bài thực hành, dự án học tập.

Đối với bài kiểm tra, đánh giá bằng điểm số thông qua bài kiểm tra trên giấy hoặc trên máy tính: đề kiểm tra phải được xây dựng theo ma trận, đặc tả câu hỏi tự luận, trắc nghiệm khách quan hoặc trắc nghiệm khách quan kết hợp với tự luận cần biên soạn theo mức độ cần đạt của chương trình môn học, hoạt động giáo dục.

Đối với một số môn học, hoạt động giáo dục lớp 6,7:

- Môn Lịch sử và Địa lí bao gồm 02 phân môn Lịch sử và Địa lí, mỗi phân môn chọn 02 điểm kiểm tra, đánh giá thường xuyên trong một học kì; bài kiểm tra, đánh giá định kì gồm nội dung của 02 phân môn đã dạy học tính đến thời điểm kiểm tra, đánh giá.

- Môn Nghệ thuật bao gồm 02 nội dung Âm nhạc và Mĩ thuật, mỗi nội dung chọn 01 kết quả kiểm tra, đánh giá thường xuyên trong từng học kì; khuyến khích thực hiện kiểm tra, đánh giá định kì thông qua bài thực hành, dự án học tập. Bài kiểm tra, đánh giá định kì bao gồm 2 nội dung Âm nhạc, Mĩ thuật được thực hiện riêng theo từng nội dung tương tự như môn học đánh giá bằng nhận xét, kết quả bài kiểm tra, đánh giá định kì được đánh giá mức Đạt khi cả 2 nội dung Âm nhạc, Mĩ thuật được đánh giá mức Đạt.

- Môn KHTN, chuyên môn chỉ đạo các giáo viên thống nhất để quyết định chọn 04 kết quả kiểm tra, đánh giá thường xuyên trong mỗi học kì (bài đánh giá định kì thực hiện theo qui định).

- Đối với Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp; Nội dung giáo dục địa phương: khuyến khích thực hiện việc kiểm tra, đánh giá định kì thông qua bài thực hành, dự án học tập. Các giáo viên thống nhất để quyết định chọn 02 kết quả kiểm

tra, đánh giá thường xuyên trong mỗi học kì (bài đánh giá định kì thực hiện theo qui định).

- Đối với các khối 8, 9:

Thực hiện việc đánh giá học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông theo đúng quy định tại Thông tư 58/2011/TT-BGDĐT, Thông tư 26/2020/TT-BGDĐT.

Thực hiện đánh giá thường xuyên bằng các hình thức: hỏi - đáp, viết; đánh giá qua hồ sơ học tập, vở hoặc sản phẩm học tập; đánh giá qua việc học sinh báo cáo kết quả thực hiện một dự án học tập, nghiên cứu khoa học kĩ thuật, báo cáo kết quả thực hành, thí nghiệm; đánh giá qua bài thuyết trình về kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập.

Việc kiểm tra, đánh giá định kì, gồm kiểm tra, đánh giá giữa kì và kiểm tra, đánh giá cuối kì, được thực hiện thông qua: bài kiểm tra (trên giấy hoặc trên máy tính), bài thực hành, dự án học tập.

Đối với bài kiểm tra, đánh giá bằng điểm số thông qua bài kiểm tra trên giấy hoặc trên máy tính: đề kiểm tra phải được xây dựng theo ma trận, đặc tả câu hỏi tự luận, trắc nghiệm khách quan hoặc trắc nghiệm khách quan kết hợp với tự luận cần biên soạn theo mức độ cần đạt của chương trình môn học, hoạt động giáo dục.

Đối với kiểm tra, đánh giá bằng bài thực hành, hoặc dự án học tập: yêu cầu cần đạt của bài thực hành hoặc dự án học tập phải được hướng dẫn cụ thể bằng bảng kiểm các mức độ đạt được phù hợp với 4 mức độ nhận biết, thông hiểu, vận dụng, vận dụng cao của các kiến thức, kĩ năng được sử dụng.

Căn cứ vào mức độ cần đạt của chương trình môn học, hoạt động giáo dục, mức độ phát triển năng lực của học sinh, nhà trường xác định tỉ lệ các câu hỏi, bài tập theo 4 mức độ yêu cầu trong các bài kiểm tra, đánh giá đảm bảo sự phù hợp với đối tượng học sinh và tăng dần tỉ lệ các câu hỏi, bài tập ở mức độ yêu cầu vận dụng, vận dụng cao; có hướng dẫn cụ thể trước khi tổ chức thực hiện.

- Đối với thời lượng các tiết kiểm tra, đánh giá:

+ **Đối với lớp 6,7:** Thực hiện theo hướng dẫn tại khoản 1 Điều 7 Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

+ **Đối với các khối 8,9:** Thực hiện theo hướng dẫn tại Điểm b khoản 1 Điều 7 Thông tư 26/2020/TT-BGDĐT ngày 26/8/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đánh giá xếp loại học sinh THCS, THPT ban hành kèm theo Thông tư 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12/12/2011 của Bộ GD&ĐT.

IV. KẾ HOẠCH TỔNG HỢP CỦA NĂM HỌC 2022 – 2023

1. Khung kế hoạch thời gian năm học:

Thực hiện chương trình 35 tuần (*Đính kèm phụ lục 6*).

2. Lịch công tác chuyên môn: (*Đính kèm phụ lục 7*).

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm các thành viên.

1.1. Đối với Hiệu trưởng.

- Ban hành quyết định thành lập các tổ chuyên môn, bổ nhiệm các chức danh Tổ trưởng, Tổ phó chuyên môn.
- Phân công nhiệm vụ cho từng thành viên trong năm học 2022 – 2023.
- Xây dựng dự thảo kế hoạch, tổ chức lấy ý kiến các thành viên trong nhà trường ...
- Liên hệ với các cơ quan, tổ chức cá nhân có liên quan để tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh.
- Xây dựng kế hoạch công tác kiểm tra nội bộ.
- Tổ chức các hoạt động, hội thi, hội giảng trong năm.
- Xây dựng tiêu chí thi đua trong nhà trường.
- Chỉ đạo Phó hiệu trưởng chuyên môn và các tổ trưởng chuyên môn chú ý đến việc thực hiện kế hoạch CM của trường, đồng thời tư vấn thúc đẩy qua công tác kiểm tra, thanh tra giáo viên trong tổ.
- Chỉ đạo bộ phận CM kiểm tra chặt chẽ công tác kiểm tra của tổ trưởng, tổ phó trong các tổ chuyên môn để có nhận xét, điều chỉnh nhằm nâng cao hiệu quả của thanh tra, kiểm tra trong nội bộ tổ chuyên môn.
- Tham mưu và báo cáo công tác chuyên môn về Phòng GD&ĐT khi có yêu cầu.

1.2. Đối với Phó hiệu trưởng.

- Quản lý chỉ đạo các hoạt động chuyên môn, thư viện, thiết bị, quản lý các phần mềm liên quan đến các hoạt động giáo dục.
- Xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp, xây dựng kế hoạch và chỉ đạo triển khai thực hiện công tác bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu kém,...
- Chỉ đạo các tổ chuyên môn hoạt động theo đúng Điều lệ trường trung học.
- Tổ chức kiểm tra các hoạt động có liên quan đến chuyên môn.
- Phân công chuyên môn đảm bảo đối với giáo viên đủ định mức.
- Xây dựng kế hoạch chuyên môn năm học 2022 - 2023 tham mưu hiệu trưởng triển khai thực hiện đến toàn thể CB, GV, NV và học sinh.

- Thường xuyên kiểm tra chặt chẽ công tác kiểm tra của tổ trưởng, tổ phó trong các tổ chuyên môn để có nhận xét, điều chỉnh nhằm nâng cao hiệu quả của thanh tra, kiểm tra trong nội bộ tổ chuyên môn.

1.3. Tổ trưởng chuyên môn.

- Tổ chức cho các nhóm chuyên môn xây dựng kế hoạch giáo dục bộ môn và trình Hiệu trưởng phê duyệt.

- Chủ trì xây dựng kế hoạch dạy học tích hợp liên môn, kế hoạch dạy học trải nghiệm.

- Tổ chức sinh hoạt chuyên môn. Chú trọng đổi mới phương pháp, hình thức dạy học; đổi mới kiểm tra đánh giá.

- Chỉ đạo GVBM và GVCN phối hợp để phân loại cụ thể đối tượng học sinh yếu, kém/môn/lớp để thành lập các lớp phù hợp học sinh yếu, kèm theo kế hoạch của nhà trường (thực hiện dạy từ 01/10/2022).

- Hướng dẫn giáo viên bộ môn bám sát phân phối chương trình, chuẩn kiến thức, kỹ năng theo Quyết định 16 của bộ GD-ĐT để thực hiện trong quá trình dạy học đối với lớp 8,9; và theo công văn của Sở GD -ĐT về việc hướng dẫn thực hiện đánh giá bằng nhận xét đối với các môn thể dục, âm nhạc, mỹ thuật.

1.4. Đối với Tổng phụ trách Đội

- Phối kết hợp với các giáo viên trong việc giáo dục đạo đức học sinh, tăng cường việc chấm thi đua giữa các khối, lớp và tạo điều kiện cho các em tham gia vào các CLB học tập nhằm thúc đẩy các em nâng cao ý thức tự giác trong học tập.

- Phối kết hợp với giáo viên bộ môn trong việc tổ chức các buổi, lớp học ngoại khóa, các tiết SHNGLL, các tiết HĐGD và các tiết GDĐP, ...

1.5. Đối với nhân viên thư viện, nhân viên thiết bị

- Xây dựng kế hoạch hoạt động liên quan đến hoạt động của thư viện, thiết bị đáp ứng cho hoạt động dạy – học.

- Tham mưu hiệu trưởng về kế hoạch trang bị sách giáo khoa, tài liệu tham khảo, thiết bị dạy học phục vụ việc giảng dạy theo Chương trình GDPT.

- Nhân viên thư viện, phụ trách TBDH cần cải tiến phương pháp quản lý và làm việc khoa học; có kế hoạch mua sắm tài liệu tham khảo bồi dưỡng học sinh giỏi, nghiên cứu các chuyên đề...để đáp ứng kịp thời yêu cầu đổi mới PPDH và nâng cao chất lượng dạy học, bồi dưỡng HSG.

- Tổ chức giới thiệu sách, thiết bị. Khuyến khích học sinh thường xuyên đọc sách, giáo viên thường xuyên sử dụng có hiệu quả thiết bị và đồ dùng dạy học. - Tham mưu tổ chức ngày hội đọc sách, hội thi kể chuyện theo sách; tham mưu hội thi làm đồ dùng dạy học.

1.6. Đối với giáo viên

- Nghiên cứu kỹ, nắm bắt Chương trình GDPT 2018 (đối với khối lớp 6,7), chương trình giáo dục hiện hành (đối với khối 8, 9) và xây dựng kế hoạch giáo dục.
- Xây dựng kế hoạch bài dạy phù hợp với phẩm chất, năng lực của học sinh.
- Tổ chức các hoạt động trải nghiệm theo môn.
- Phối hợp với nhà trường, liên đội tổ chức cho học sinh tham gia các hoạt động ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm trong và ngoài nhà trường.
- Xây dựng kế hoạch, chỉ tiêu phấn đấu chất lượng cụ thể cho từng bộ môn để TT và BGH ký duyệt.
- GVBM và GVCN phối hợp để phân loại cụ thể đối tượng học sinh yếu, kém/môn/lớp để thành lập các lớp phù đạo học sinh yếu, kèm theo kế hoạch của nhà trường (thực hiện dạy từ 01/10/2022).
- Giáo viên bộ môn bám sát phân phối chương trình, chuẩn kiến thức, kỹ năng theo Quyết định 16 của bộ GD-ĐT để thực hiện trong quá trình dạy học đối với lớp 8,9; và Thực hiện việc đánh giá học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông theo đúng quy định (Thông tư 58/2011/TT-BGD&ĐT, Thông tư 26/2020/TT-BGDĐT, Thông tư 22/ TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ GD&ĐT).
- Tham gia bồi dưỡng thường xuyên đúng quy định.
- Nâng cao trình độ CM- NV, Tin học, ngoại ngữ để đáp ứng yêu cầu dạy học.

2. Công tác kiểm tra, giám sát.

- Việc giám sát đánh giá và điều chỉnh kế hoạch dạy học, giáo dục được thực hiện thường xuyên trong suốt năm học.
- Thực hiện kiểm tra chuyên đề, kiểm tra toàn diện giáo viên trong từng học kì theo kế hoạch của Hiệu trưởng.
- Chỉ đạo các tổ trưởng chuyên môn chú ý đến việc tư vấn thúc đẩy qua công tác kiểm tra, thanh tra giáo viên trong tổ.
- Kiểm tra chặt chẽ công tác kiểm tra của tổ trưởng, tổ phó trong các tổ chuyên môn để có nhận xét, điều chỉnh nhằm nâng cao hiệu quả của thanh tra, kiểm tra trong nội bộ tổ chuyên môn.
- Tăng cường kiểm tra tình hình dạy học của các môn Toán, Ngữ văn, Anh văn để chỉ đạo kịp thời việc đổi mới PPDH và nâng cao chất lượng dạy học nhằm thực hiện sự chỉ đạo thanh tra có trọng tâm, trọng điểm của Phòng GD-ĐT.
- Trong công tác kiểm tra đánh giá thực chất và thúc đẩy đội ngũ đổi mới phương pháp dạy học có hiệu quả.
- Mỗi giáo viên cần có thói quen tự kiểm tra việc thực hiện kế hoạch của mình để có điều chỉnh và phản ánh kịp thời với tổ chuyên môn, HT.

3. Chế độ thông tin báo cáo

Thực hiện chế độ báo cáo sơ kết, tổng kết theo quy định và báo cáo đột xuất khi có yêu cầu.

Trên đây là kế hoạch Giáo dục của trường THCS Võ Duy Dương, năm học 2022 – 2023.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT (BC);
- HT, PHT, TTCM;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Hứa Thành Công

PHÊ DUYỆT CỦA PHÒNG GD&ĐT

UBND THỊ XÃ KIẾN TƯỜNG
TRƯỜNG THCS VÕ DUY DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG PHÂN CÔNG CÁN BỘ, GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN NĂM HỌC 2022-2023 (thực hiện từ 05/9/2022)

(Môn Địa lí 8: 1 tiết/tuần; Địa lí 9: 2 tiết/tuần; Lịch sử 8: 2 tiết/tuần; Lịch sử 9: 1 tiết/tuần; Mỹ thuật 9: 0 tiết/tuần; Âm nhạc 9: 1 tiết/tuần;
Công nghệ 7: 1 tiết/tuần; Công nghệ 8: 2 tiết/tuần; HĐNGLL: 0,5 tiết/tuần; Hướng nghiệp: 0,25 tiết/tuần; GDĐP6: 1 tiết/tuần)

Stt	Họ và tên	Chức vụ	TĐ	Môn	Nhiệm vụ được phân công	Kiểm nhiệm	Chủ nhiệm	Số tiết	Biên chế	
1	Hứa Thành Công	HT	CĐ	CNghệ	Hướng nghiệp HN 9a1-9a10 (2.5)	TTCD(1)		3.5	BC	
2	Nguyễn Văn Cường	PHT	ĐH	TD-ĐĐ	TD 6a1 (2); 7a2 (2)	TPCD(1)		5	BC	
3	Cao Văn Hà	PHT	ĐH	Văn	Văn 8a10 (4)			4	BC	
4	Nguyễn Đoàn Ngọc Thu	NV	ĐH	K.Toán	Kế toán				BC	
5	Đặng Thị Anh Đào	NV	CĐ	Tin	Phụ trách thiết bị				BC	
6	Huỳnh Thị Mỹ Duyên	NV	TC	Dược	Y tế, thủ quỹ				BC	
7	Nguyễn Ngọc Phương	NV	TC	VT	Văn thư				BC	
8	Phan Thị Hồng Liên	NV	TC	VT	Văn Thư				BC	
9	Nguyễn Lê Huỳnh	GV	ĐH	TD	TD 6a7(2); Tổng phụ trách Đội			2	BC	
10	Nguyễn Phương Duy	GV	ĐH	Sinh-CN	TTHTCD; Sinh 8a7	PT PCGD		2	BC	
11	Nguyễn Thị Tiến	GV	ĐH	Văn	Văn 9a3,9A7 (10), 6a1,6a11 (8)			18	BC	
12	Nguyễn Thị Thanh Xuân	GV	ĐH	Văn	Văn 9a1,9a9 (10); 6a4,6a7 (8)			18	BC	

13	Phạm Thị Lệ Thủy	GV	ĐH	Văn	Văn 9a2,9a4 (10), 7a3 (4)	TT(3), TTCĐ(1),		18	BC	
14	Nguyễn Thị Lệ Xuân	GV	CĐ	Văn	Văn 8a5,8a7 (8); 6a2,6a8,6a10 (12);			20	BC	
15	Phan Thị Bé	GV	ĐH	Văn	Văn 8a1,8a3,8a4,8a8,8a9 (20)			20	BC	
16	Trần Thị Thủy	GV	ĐH	Văn	Văn 9a6,9a8(10); 8a2, 8a6 (8)	TP(1)		19	BC	
17	Cao T Ngọc Thùy Linh	GV	CĐ	Văn	Văn 7a1,7a2,7a8 (8); 6a5,6a6 (8)	TP(1) TPCĐ(1)		22	BC	
18	Trần Thị Thùy Linh	GV	ĐH	Văn	Văn 9a5,9a10 (10); 6a3, 6a9 (8)			18	BC	
19	Lê Thị Thu	GV	ĐH	Văn	Văn 7a4,7a5,7a6,7a9,7a7 (20)			20	BC	
20	Nguyễn T Kim Hoàng	GV	ĐH	Địa	Địa 9a6-9a10 (10); 6a1-6a4,6a11 (7.5)			17.5	BC	
21	Uông Thị Hồng Mai	GV	ĐH	Địa	Địa 9a1-9a5 (10); 8a4-8a6 (3); GDĐP 6a1-6a4 (4) (từ tuần 1 đến tuần 6)	TT(3),TTCĐ(1)		21	BC	
22	Nguyễn Thị Mộng Trinh	GV	ĐH	Địa	Địa 7a3-7a8 (9); 6a5-6a10 (9); GDĐP 6a5,6a6 (2) (từ tuần 1 đến tuần 6)			20	BC	
23	Bùi Thị Ngọc Giàu	GV	ĐH	Địa	Địa 7a1,7a2,7a9 (4.5); 8a1-8a3, 8a7-8a10 (7); GDĐP 6a7-6a11 (5) (từ tuần 1 đến tuần 6)		7A9- HDTN HN	20.5	BC	
24	Lưu Thị Cẩm Vang	GV	ĐH	Sử-Địa	Sử 9a7-9a10 (4); 8a2,8a3,8a6-8a8 (10)		8A6 HDTN HN	18	BC	
25	Lưu Thị Hạnh	GV	ĐH	Sử	Sử 8a9,8a10 (4); 6a1-6a4, 6a10-6a11 (9)			13	BC	
26	Nguyễn Thanh Tùng	GV	ĐH	Sử	Sử 8a1, 8a4-8a5 (6); 7a4-7a9 (9) GDĐP 6a1-6a4 (4) (từ tuần 7 đến tuần 12)			19	BC	
27	Phạm Thị Thúy Kiều	GV	ĐH	Sử	Sử 7a1-7a3 (4.5);	TP(1),TPCĐ(1)		19.5	BC	

					GDCD 6a1-6a11(11) GDĐP 6a5,6a6 (2) (từ tuần 7 đến tuần 12)					
28	Trần Thị Ba	GV	Thạc sĩ	Sử	Sử 6a5-6a9 (7.5), 9a1-9a6 (6) (Ôn thi HSG) GDĐP 6a7-6a11 (5) (từ tuần 7 đến tuần 12)			18.5	BC	
29	Dương Thanh Tâm	GV	ĐH	GDCD	GDCD 9a1-9a6 (6); 8a1-8a3, 8a9-8a10 (5); 7a3,7a9(2)		7A3 HĐTN HN	17	BC	
30	Nguyễn Thị Hường	GV	ĐH	GDCD	GDCD 9a7-9a10(4), 8a4-8a8 (5); 7a1,7a2,7a4-7a8(7)			16	BC	
31	Phạm Bạch Liên	GV	ĐH	Lý	Lý 9a6, 9a8 (4); 8A1,8a5,8a6 (3) SHNGLL 9a6 (0.5)	TT (3),TTCĐ(1)	9A6 HĐTN HN	15.5	BC	
32	Phan Thanh Tùng	GV	ĐH	Lý	Lý 9a1,9a7 (4); 8A2,8a7-8a10 (5); SHNGLL 9a7(0.5)		8A7 HĐTN HN	13.5	BC	
33	Tổng Thị Tuyết Nhung	GV	CĐ	Lý	Lý 9a3,9a5,9a10 (6); 7a1,7a7 (2); SHNGLL 9a5(0.5)	CTCĐ (3), TKHĐT (2)		13.5	BC	
34	Võ Thị Cẩm Vân	GV	ĐH	Lý	Lý 9a2,9a4,9a9 (6); 7a2,7a5,7a9 (3); SHNGLL 9a2(0.5)	TPCĐ (1)	9A2 HĐTN HN	14.5	BC	
35	Ngô Thị Thuỳ Hương	GV	CĐ	Lý	Lý 8a3,8a4 (2); 7a3,7a4,7a6,7a8 (4); SHNGLL 9a1(0.5)	PTP Lý (3)	8A4 HĐTN HN	13.5	BC	
36	Phan Thị Tuyết	GV	CĐ	Sinh	Sinh 9a2,9a4,9a5,9a7,9a8,9a9,9a10 (14)	TP (1)	9A7 HĐTN HN	19	BC	
37	Nguyễn Thanh Nhã	GV	ĐH	Sinh	Sinh 9a1 (2); 6a2,6a6,6a9 (12)		6A6 HĐTN HN	18	BC	
38	Nguyễn Thị Thu Hồng	GV	ĐH	Sinh	Sinh 8a3,8a4,8a6,8a8 (8); 6a10,6a11(8)	PTH Sinh (3)		19	BC	
39	Trần Thị Kim Loan	GV	ĐH	Sinh	Sinh 9a6(2); 6a1,6a3,6a8 (12)		6A8 HĐTN HN	18	BC	

40	Phan Thị Kiều Tiên	GV	ĐH	Sinh	Sinh 9a3(2); 6a4,6a5,6a7 (12)		6A7 HĐTN HN	18	BC	
41	Lại Thị Huệ	GV	ĐH	Sinh	Sinh 8a5(2); 7a1,7a3,7a5,7a6,7a7 (10)	PTTV(3)	7A5 HĐTN HN	19	BC	
42	Trần Nhựt Tân	GV	ĐH	Sinh	Sinh 8a1,8a2,8a9,8a10(8);7a2,7a4,7a8,7a9 (8)		7A8 HĐTN HN	20	BC	
43	Lê Đức Trọng	GV	CĐ	Hóa	Hóa 9a5,9a6,9a10 (6); 8a2, 8a9,8a10 (6); 7a6-7a8 (3)	PTH Hoá (3)		18	BC	
44	Võ Thị Mỹ Dung	GV	CĐ	Hóa	Hóa 9a1-9a4,9a7,9a8,9a9 (14); 7a1,7a2 (2)	TP(1)		17	BC	
45	Phạm Kim Xuyên	GV	ĐH	Hóa	Hóa 8a1,8a3-8a8 (14); 7a3,7a4,7a5,7a9 (4)			18	BC	
46	Trần Thị Hiền	GV	ĐH	T. A	AV 9a2,9a5,9a9 (9); 8a4 (3)	TT(3), PCTCĐ(3)		18	BC	
47	Nguyễn Ngọc Nguyên Thủy	GV	ĐH	T. A	AV 9a1,9a4,9a6 (9); 8a5 (3)	TP(1)	9A4 HĐTN HN	17	BC	
48	Nguyễn Thị Hạnh	GV	ĐH	T. A	AV 9a3,9a7,9a8 (9); 6a3,6a11 (6)		9A3 HĐTN HN	19	BC	
49	Lê Thị Thùy Linh	GV	ĐH	T. A	AV 9a10 (2); 6a5-6a8 (12)		9A10 HĐTN HN	18	BC	
50	Nguyễn Ngọc Dung	GV	ĐH	T. A	AV 8a9-8a10 (6); 6a1,6a2,6a9,6a10 (12)			18	BC	
51	Trương Thị Ngọc Diễm	GV	CĐ	T. A	AV 7a3-7a5,7a8 7a9 (15); 6a4 (3)			18	BC	
52	Võ Thị Huệ Thu	GV	ĐH	T. A	AV 8a2, 8a3, 8a8 (9); 7a2 (3)	TPCĐ(1)	8A3 HĐTN HN	17	BC	

53	Nguyễn Nhật Minh	GV	ĐH	T. A	AV 8a1,8a6, 8a7 (9); 7a1, 7a6,7A7 (9)			18	BC	
54	Võ Nhật Ninh	GV	ĐH	TD	TD 6a2,6a3,6a9,6a10 (8); 9a1, 9a2, 9a3 (6)	TT (3), TTCĐ(1)		18	BC	
55	Nguyễn Thành Đồng	GV	ĐH	TD	TD 6a4, 6a5, 6a6, 6a8 (8); 9a4, 9a5, 9a6, 9a7,9a8 (10)			18	BC	
56	Lê Hoàng Truân	GV	ĐH	TD	TD 7a3-7a9(14); 9a9-9a10 (4)			18	BC	
57	Nguyễn Văn Phương	GV	ĐH	TD	TD 6a11 (2); 8a1, 8a2 (4)	Tăng cường		6	BC	
58	Kim Huỳnh Công Toại	GV	ĐH	TD	TD 7a1 (2); 8a3-8a10 (16)			18	BC	
59	Võ Tấn Kiệt	GV	ĐH	MT	MT 7a1-7a9(9); 9a8, 9a9, 9a10 (3); SHNGLL 8a1-8a10 (5)			17	BC	
60	Lê Thị Phụng	GV	ĐH	MT	MT 6a1-6a11(11); 9a1,9a2,9a3,9a4 (4)		6A2 HĐTN HN	19	BC	
61	Lý Hồng Sơn	GV	ĐH	MT	MT 8a1-8a10(10); 9a5,9a6,9a7 (3)	TP(1),TPCĐ(1)	8A9 HĐTN HN	19	BC	
62	Đỗ Tấn Khang	GV	ĐH	Nhạc	Nhạc 8a1-8A10 (10); 9a10 (1)	TP(1),PTÂN (3)	8A8 HĐTN HN	19	BC	
63	Phan Văn Bình	GV	ĐH	Nhạc	Nhạc 7A1-7A9 (9); 9a1-9a5 (5)		7A7 HĐTN HN	18	BC	
64	Trần Thị Nghi Xuân	GV	ĐH	Nhạc	Nhạc 6a1-6a11(11); 9a6 – 9a9 (4)		6A11 HĐTN HN	19	BC	

65	Lê Thị Mai Chi	GV	CĐ	Toán	Toán 9a3,9a5 (8)	TT(3),TTCD(1)	9A5 HĐTN HN	16	BC	
66	Phạm Minh Chí	GV	ĐH	Toán	Toán 8a4,8a7,8a8 (12); 7a5 (4)			16	BC	
67	Lê Ngọc Phi	GV	ĐH	Toán	Toán 6a2, 6a11 (8); HĐGD 7a3,7a5,7a7,7a8,7a9 (5)	TVHS (3)		16	BC	
68	Đặng Thị Hải Lý	GV	ĐH	Toán	Toán 7a7 (4); 6a1 (4)	TVHS (4)	6A1 HĐTN HN	17	BC	
69	Lê Văn Thơ	GV	CĐ	Toán	Toán 9a6 (4); 6a4, 6a10 (8); SHNGLL 9a3,9a4, 9a10 (1.5)	TBTTND (2)		15.5	BC	
70	Nguyễn Thành Luỹ	GV	ĐH	Toán	Toán 6a3,6a8,6a9 (12);		6A3 HĐTN HN	16	BC	
71	Vũ Thị Duyên	GV	CĐ	Toán	Toán 8a1,8a6,8a10 (12)		8A1 HĐTN HN	16	BC	
72	Đỗ Thị Hồng	GV	CĐ	Toán	Toán 7a2,7a8 (8); 6a6 (4); HĐGD 7a2 (1)		7A2 HĐTN HN	17	BC	
73	Trần Thị Thu Khoa	GV	ĐH	Toán	Toán 9a7,9a8 (8); 7a6 (4); SHNGLL 9a8 (0,5)		9A8 HĐTN HN	16,5	BC	
74	Nguyễn Duy Khắc	GV	ĐH	Toán	Toán 9a1,9a4 (8); 7a4 (4)	TP(1),TPCD(1)	9A1 HĐTN HN	18	BC	

75	Nguyễn Thị Bích Ngọc	GV	ĐH	Toán	Toán 7a1,7a9 (8); 6a7 (4); HĐGD 7a1 (1)		7A1 HĐTN HN	17	HĐ	
76	Trần Thị Ngọc Giàu	GV	ĐH	Toán-Tin	Toán 9a2,9a10 (8); 6a5 (4)	TP(1)	6A5 HĐTN HN	17	BC	
77	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	GV	ĐH	Toán-Tin	Toán 8a5 ,8a9 (8); 7a3 (4)		8A5 HĐTN HN	16	BC	
78	Trần Thị Tuyết Mai	GV	ĐH	Toán-Tin	Toán 8a2,8a3 (8); Tin học TC 9A,9A (4)		8A2 HĐTN HN	16	BC	
79	Phạm Thị Phương Nhã	GV	ĐH	Toán-Tin	Toán 9a9(4); Tin 6a1-6a4,6a8,6a9,6a11(7); SHNGLL 9a9(0.5)		9A9 HĐTN HN	15.5	BC	
80	Nguyễn Thị Kim Khánh	GV	ĐH	Tin	Tin học 7a5-7a8 (4); Tin 6a5-6a7,6a10 (4)	PTPTIN(3)	6A10 HĐTN HN	15	BC	
81	Nguyễn Thị Hồng Sa	GV	ĐH	Tin	Tin học 7a1-7a4,7a9 (5); Tin TC 8A,8B (4); HĐGD 7a4 (1)	PTPTIN(3)	7A4 HĐTN HN	17	BC	
82	Lê Thị Hoàng	GV	CĐ	KTCN	Công nghệ 8a1-8a5,8a10 (12)	TT(3),TTCĐ(1)	8A10 HĐTN HN	18	BC	
83	Nguyễn Thanh Tân	GV	CĐ	KTCN	Công nghệ 9a1-9a10 (10); 8a6-8a9 (8)			18	BC	

84	Lê Thị Thanh Hoa	GV	CĐ	KTPV	Công nghệ 6a1-6a4,6a10-6a11(6); HĐGD 6a1-6a5 (5)		6A4 HĐTN HN	14	BC	
85	Trương Thị Cẩm Hồng	GV	CĐ	KTPV	Công nghệ 6a5-6a9 (5); HĐGD 6a6-6a11 (6)		6A9 HĐTN HN	14	BC	
86	Huỳnh Thị Thúy Hồng	GV	CĐ	KTNN	Công nghệ 7a1-7a9 (9); HĐGD 7a6(1)		7A6 HĐTN HN	14	BC	

HIỆU TRƯỞNG

Hứa Thành Công

BẢNG PHÂN CÔNG
Về việc phụ trách đợt học trực tuyến (nếu có áp dụng)
(Kèm theo kế hoạch số /KH-TrTHCS VDD ngày/9/2022)

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số điện thoại	Nội dung phụ trách	Ghi chú
1	Hứa Thành Công	Hiệu trưởng	0918895525	Phụ trách chung	
2	Nguyễn Văn Cường	Phó hiệu trưởng	0392775738	Phụ trách về chuyên môn; Tham mưu Hiệu trưởng về Xây dựng KH dạy học trực tuyến, PC giáo viên dạy học trực tuyến, Xếp thời khóa biểu học trực tuyến; Hỗ trợ thầy cô về thiết bị khi có sự cố; Thực hiện các CV khác khi có yêu cầu.	
3	Cao Văn Hà	Phó hiệu trưởng	0919812880	Phụ trách điểm danh học sinh, theo dõi việc cập nhật trên sổ đầu bài điện tử; Tham mưu Hiệu trưởng trong việc phối hợp với các địa phương để thông báo và huy động học sinh tham gia học trực tuyến; Thực hiện các CV khác khi có yêu cầu.	
4	Nguyễn Ngọc Phương	Nhân viên VT	0918782544	Phối hợp T.Hà tổng hợp báo cáo SS học sinh theo quy định; Thực hiện các CV khác khi có yêu cầu.	
5	Đặng Thị Anh Đào	Nhân viên TB	0915084646	Phụ trách 02 phòng tin học; Thực hiện các CV khác khi có yêu cầu.	
6	Nguyễn Lê Huỳnh	GV TPT Đội	0916238538	Hỗ trợ thầy cô về thiết bị khi có sự cố (những thầy cô tham gia dạy tại trường); Phối hợp T. Phương (VT) trong việc tổng hợp và theo dõi học sinh các ngày học; Thực hiện các CV khác khi có yêu cầu.	
7	Nguyễn Đoàn Ngọc Thu	Nhân viên KT		Tham mưu Hiệu trưởng các công việc liên quan đến tài chính phục vụ cho đợt học trực tuyến; Thực hiện các CV khác khi có yêu cầu.	

8	Phan Thị Hồng Liên	Nhân viên VT	0943950220	Phối hợp GVCN rà soát danh sách và thông tin học sinh các lớp; Thực hiện các CV khác khi có yêu cầu.	
9	TT Chuyên môn các tổ	TT CM		Phối hợp Thầy Cường trong kiểm tra, theo dõi các GV trong tổ trong đợt tổ chức dạy học trực tuyến; BC các nội dung khác khi có yêu cầu.	
10	GVCN các lớp	Giáo viên		Thực hiện công tác giảng dạy theo quy định; Theo dõi SS học sinh và BC về trường hàng ngày; Phối hợp với trường trong việc thông báo và huy động học sinh tham gia học trực tuyến; Thực hiện các CV khác khi có yêu cầu.	
11	GVBK	Giáo viên		Thực hiện công tác giảng dạy theo quy định; Phối kết hợp GVCN trong việc thông báo học sinh tham gia học trực tuyến; Phê sô đầu bài điện tử; Báo cáo SS học sinh sau mỗi tiết học; Thực hiện các CV khác khi có yêu cầu.	

Lưu ý: Thời gian thực hiện của các NV và GV TPT Đội:

+ Buổi sáng từ 6h45” đến 11h00”.

+ Buổi chiều từ 13h30” đến 17h00”.

+ GVCN, GVBK thực hiện theo TKB của trường.

b. Phân chia định mức thực hiện

Khởi 6,7:

HỌC KỲ I

[illegible]

b. Phân chia định mức thực hiện

Khối 6,7 HỌC KỲ II

[illegible]

Stt	Môn					Lớp 8				Lớp 9			
						HKI	TS	HKII	TS	HKI	TS	HKII	TS
1	Toán					4	72	4	68	4	72	4	68
2	Vật lý					1	18	1	17	2	36	2	34
3	Hóa học					2	36	2	34	2	36	2	34
4	Sinh học					2	36	2	34	2	36	2	34
5	Ngữ văn					4	72	4	68	5	90	5	85
6	Lịch sử					2	36	1	17	1	18	2	34
7	Địa lý					1	18	2	34	2	36	1	17
8	Ngoại ngữ					3	54	3	51	2	36	2	34
349	GDCD					1	18	1	17	2	36	2	34
10	Công nghệ					2	36	1	17	1	18	1	17
11	Âm nhạc					1	18	1	17	1	18	00	
12	Mỹ thuật					1	18	1	17	00		1	17
13	Tin học					2	36	2	34	2	36	2	34
14	Thể dục					2	36	2	34	2	36	2	34
15	HDNGLL	2 tiết/tháng + 6 tiết tháng 6,7,8 (trong hè)											
16	Hướng nghiệp	00								1 tiết/tháng			

1. Khung kế hoạch thời gian năm học: Thực hiện chương trình 35 tuần <i>(Đính kèm phụ lục 6).</i>		
Thời gian	Nội dung công việc	Ghi chú
29/8/2022	Ngày tựu trường	- Khối 6,7 buổi chiều – Bắt đầu lúc 12h40'. - Khối 8,9 buổi sáng – Bắt đầu lúc 7h00'.
29/8/2022 - 03/9/2022	Tuần sinh hoạt đầu năm	- GVCN Ổn định học sinh và sinh hoạt nội quy trường, lớp. - Lễ 02/9/2022 (Thứ sáu)
05/9/2022	Ngày khai giảng	
05/9/2022 - 10/9/2022	Tuần 1	
12/9/2022 - 17/9/2022	Tuần 2	
19/9/2022 - 24/9/2022	Tuần 3	
26/9/2022 - 01/10/2022	Tuần 4	
03/10/2022 - 08/10/2022	Tuần 5	
10/10/2022 - 15/10/2022	Tuần 6	
17/10/2022 - 22/10/2022	Tuần 7	
24/10/2022 - 29/10/2022	Tuần 8	
31/10/2022 - 05/11/2022	Tuần 9	
07/11/2022- 12/11/2022	Tuần 10	
14/11/2022- 19/11/2022	Tuần 11	
21/11/2022- 26/11/2022	Tuần 12	Lễ 20/11/2022 (Chủ nhật)

1. Khung kế hoạch thời gian năm học: Thực hiện chương trình 35 tuần <i>(Đính kèm phụ lục 6).</i>		
Thời gian	Nội dung công việc	Ghi chú
28/11/2022- 03/12/2022	Tuần 13	
05/12/2022- 10/12/2022	Tuần 14	
12/12/2022- 17/12/2022	Tuần 15	
19/12/2022- 24/12/2022	Tuần 16	
26/12/2022- 31/12/2022	Tuần 17	<i>Tết dương lịch 01/01/2023 (Chủ nhật)</i>
02/01/2023- 07/01/2023	Tuần 18	<i>Kiểm tra HKI</i>
09/01/2023	<i>Nghỉ giữa học kì I (Thứ hai)</i>	
09/01/2023- 14/01/2023	Tuần 19	
Thời gian nghỉ tết Quý Mão	<i>Từ ngày 16/01/2023 (25/12 âm lịch) đến hết ngày 28/01/2023 (mùng 07/01 âm lịch)</i>	
30/01/2023- 04/02/2023	Tuần 20	
06/02/2023- 11/02/2023	Tuần 21	
13/02/2023- 18/02/2023	Tuần 22	
20/02/2023- 25/02/2023	Tuần 23	
27/02/2023- 04/3/2023	Tuần 24	
06/3/2023- 11/3/2023	Tuần 25	
13/3/2023- 18/3/2023	Tuần 26	

1. Khung kế hoạch thời gian năm học: Thực hiện chương trình 35 tuần <i>(Đính kèm phụ lục 6).</i>		
Thời gian	Nội dung công việc	Ghi chú
20/3/2023- 25/3/2023	Tuần 27	
27/3/2023- 01/4/2023	Tuần 28	
03/4/2023- 08/4/2023	Tuần 29	
10/4/2023- 15/4/2023	Tuần 30	
17/4/2023- 22/4/2023	Tuần 31	
24/4/2023- 29/4/2023	Tuần 32	<i>Giỗ tổ Hùng Vương 29/04/2022 (Thứ bảy)</i>
01/5/2023- 06/5/2023	Tuần 33	<i>Lễ 30/04/2022, 01/05/2022 (Chủ nhật, thứ hai)</i>
08/5/2023- 13/5/2023	Tuần 34	
15/5/2023- 20/5/2023	Tuần 35	<i>Kiểm tra HKII</i>
22/5/2023-28/5/2023		<i>Tuần dự phòng</i>
Từ 29/5/2023 đến 1 tuần trước tuyển sinh 10		<i>Ôn tập thi tuyển sinh 10</i>
31/5/2022		<i>Ngày kết thúc năm học</i>

2. Lịch công tác chuyên môn: (Đính kèm phụ lục 7).

Tháng	Nội dung kế hoạch	Thời gian thực hiện	T. hiện tuần CT	Ghi chú
9/2022	- Khai giảng năm học mới. - Nắm điều kiện dạy và học của GV và HS. - Hướng dẫn các tổ/nhóm chuyên môn xây dựng KHGD (PPCT). Dạy CT chính khoá (trực tiếp) - Chỉ đạo các tổ CM xây dựng kế hoạch giáo dục của tổ; hoàn thành các loại hồ sơ theo qui định; phổ biến các CV HD về đánh giá học sinh. - Chỉ đạo NV thư viện, phụ trách TBDH triển khai các hoạt động phục vụ dạy học. - Thông qua các chỉ tiêu bộ môn để thông qua hội nghị CN - VC. - Xây dựng các kế hoạch phụ đạo học sinh yếu, kém; ôn luyện lớp 9. - Nắm tiến độ thực hiện CT cuối tháng 9. - Dạy tin học tự chọn K8-9. - Tăng cường dự giờ thăm lớp: Quản lý + tổ trưởng.	Tháng 9	1-4	
10/2022	-Thực hiện chương trình tuần 5-8 - Đẩy mạnh hoạt động chuyên môn trong các tổ CM: Đổi mới PPDH, dự giờ, thao giảng chào mừng 20/10. - Kiểm tra hồ sơ giáo viên. - Nắm tình hình thực hiện kế hoạch CT, tiến độ CT. - Đón đoàn thanh tra CM do Sở tổ chức(nếu có).	15/10 11/10 Tháng 10	5-8	

	- Sinh hoạt chuyên môn liên trường (có KH cụ thể) - Thi GV CN giỏi, giáo viên dạy giỏi cấp thị xã.	24/10 03/10- 08/10		
11/2022	-Thực hiện chương trình tuần 9-12 - Dạy Chủ đề tự chọn bám sát K6-9 - Lên lịch BG, thực hiện sổ theo dõi đánh giá HS. - Kiểm tra hồ sơ sổ sách: chủ nhiệm, tổ trưởng, GV tổ Văn, KHTN, Sử-Địa-GDCD - Xây dựng thư viện đề kiểm tra & đánh giá; kiểm tra & đánh giá TX, Giữa kỳ - Bồi dưỡng đội tuyển HS giỏi văn hóa K9 (<i>thực hiện theo KH HD của phòng nếu có</i>). - Nhập điểm vào phần mềm quản lý GD. - Kiểm tra cột điểm đã cập nhật trên phần mềm quản lý GD. - Họp tổ chuyên môn, Thảo giảng: - Thi GV CN giỏi, giáo viên dạy giỏi cấp trường. (<i>thực hiện theo KH HD của phòng</i>). - Sinh hoạt NGLL, SHHN K9 chủ điểm tháng 11(trước 20/11). - Dạy bơi cho HS.	Tháng 11	9-12	
12/2022	- Thực hiện chương trình tuần 13-17 - Dạy Chủ đề tự chọn bám sát (K6-9) kiểm tra lấy điểm vào tuần 17, chủ đề nâng cao (K9). - Soạn đề cương, phổ biến cho HS, soạn đề KT cuối kỳ và hướng dẫn chấm HKI, nộp đề kiểm tra HKI - Lên lịch BG, thực hiện sổ điểm cá nhân (nếu sai sót, sửa đúng qui định). - Kiểm tra hồ sơ sổ sách: chủ nhiệm, tổ trưởng. - Xây dựng thư viện đề kiểm tra & đánh giá; kiểm tra & đánh giá TX, cuối kỳ. - Bồi dưỡng đội tuyển HS giỏi văn hóa K9, thực hành Lý, Hóa, Sinh. - Nhập điểm vào phần mềm quản lý GD.	25 - 30/12	13-17	

	- Kiểm tra cột điểm đã cập nhật trên phần mềm quản lý GD. - Họp tổ chuyên môn, Trao giảng: - Hoàn tất hồ sơ GV CN giỏi, giáo viên dạy giỏi cấp trường. - Sinh hoạt NGLL, SHHN K9 chủ điểm tháng 12 (trước 19/12). - Tổ chức ôn tập cho HS để KT HKI. - Duyệt đề KT, xếp lịch, phân công GV coi KT, tổ chức KT-chấm bài, tổng hợp-báo cáo kết quả. - KT HKI, chấm bài, nhập điểm, GVCN kiểm tra chéo kết quả - Dạy bơi cho HS K6,7 - Điều chỉnh phân công GV, TKB.	11/12		
		15-20/12 22 -26/12		
01/2023	- Thực hiện chương trình tuần 18-19 - Dạy tin học tự chọn K8-9. - Cho HS đăng ký môn học chủ đề tự chọn bám sát (K6-9) - Lên lịch BG, thực hiện sổ điểm cá nhân (nếu sai sót, sửa đúng qui định) - Kiểm tra hồ sơ sổ sách: + Sổ chủ nhiệm + Tổ trưởng - Xây dựng thư viện đề kiểm tra& đánh giá; kiểm tra& đánh giá TX, Giữa kỳ - Bồi dưỡng đội tuyển HS giỏi văn hóa K9 chuẩn bị thi cấp thị xã. - Họp tổ chuyên môn, Trao giảng: - Sinh hoạt NGLL, SHHN K9 chủ điểm tháng 1 - Thông báo kết quả HKI cho cha - mẹ HS - Cập nhật điểm TBHKI vào học bạ. - Kiểm tra cập nhật học bạ	Tháng 1	18-19	

	- Thi GV giỏi cấp thị xã - Dạy bơi cho HS K8,9			
02/2023	- Thực hiện chương trình tuần 20-23 - Dạy tin học tự chọn K8-9. - Xếp lịch học chủ đề tự chọn bám sát (K6-9) - Lên lịch BG, thực hiện sổ điểm cá nhân(nếu sai sót, sửa đúng qui định) - Kiểm tra hồ sơ sổ sách: tổ trưởng, sổ chủ nhiệm ,giáo viên tổ: MT-AN-TD, Toán-Tin, Sử-Địa-GD--Thi giảng giáo viên dạy giỏi cấp thị xã. - Xây dựng thư viện đề kiểm tra& đánh giá; kiểm tra& đánh giá TX, Giữa kỳ - Bồi dưỡng đội tuyển HS giỏi văn hóa K9 - Họp tổ chuyên môn, Trao giảng: - Sinh hoạt NGLL, SHHN K9 chủ điểm tháng 2 - Nhập điểm vào phần mềm quản lý GD - Kiểm tra cột điểm đã cập nhật trên phần mềm quản lý GD - Dạy bơi cho HS K8,9	Tháng 2	20-23	
3/2023	- Thực hiện chương trình tuần 24-28 - Dạy tin học tự chọn K8-9. - Dạy chủ đề tự chọn bám sát - Lên lịch BG, thực hiện sổ điểm cá nhân(nếu sai sót, sửa đúng qui định) - Kiểm tra hồ sơ sổ sách: chủ nhiệm, tổ trưởng, GV tổ Ngữ Văn, tổ Lý- Công Nghệ , tổ Hóa-Sinh , tổ Tiếng Anh - Xây dựng thư viện đề kiểm tra& đánh giá; kiểm tra& đánh giá TX, Giữa kỳ - Họp tổ chuyên môn, Trao giảng - Sinh hoạt NGLL, SHHN K9 chủ điểm tháng 3	Tháng 3 01- 06/3	24-28	

	- Nhập điểm vào phần mềm quản lý GD - Kiểm tra cột điểm đã cập nhật trên phần mềm quản lý GD - Bồi dưỡng đội tuyển HSG văn hóa lớp 9, họp cha-mẹ HS giỏi VHK9. Thi HS giỏi VHK9 cấp thị xã. - Lập danh sách đội tuyển, làm phiếu dự thi - Dạy thêm, học thêm đúng quy định - Dạy bơi cho HS K8,9			
4/2023	- Thực hiện chương trình tuần 29-32 - Dạy tin học tự chọn K8-9. - Dạy chủ đề tự chọn bám sát - Lên lịch BG, thực hiện sổ điểm cá nhân(nếu sai sót, sửa đúng qui định) - Kiểm tra hồ sơ sổ sách:Tổ trưởng; Sổ chủ nhiệm. - Họp tổ chuyên môn, Trao giảng: - Sinh hoạt NGLL, SHHN K9 chủ điểm tháng 4 - Nhập điểm vào phần mềm quản lý GD - Kiểm tra cột điểm đã cập nhật trên phần mềm quản lý GD - Bồi dưỡng và đưa học sinh dự thi HSG văn hóa lớp 9 cấp tỉnh - Làm phiếu dự thi HS giỏi văn hóa K9 cấp tỉnh - Dạy thêm, học thêm đúng quy định. - Dự giờ GV. - Chấm sáng kiến kinh nghiệm. - Xây dựng thư viện đề kiểm tra& đánh giá; kiểm tra& đánh giá TX, Giữa kỳ.	Tháng 4 25-30/4	29-32	
	Thực hiện chương trình tuần 33-35 - Ôn tập chuẩn bị cho HS kiểm tra HKII		33-35	

5/2022	- Xếp lịch kiểm tra HKII - Phân công GV HKII - Soạn đề cương, phổ biến cho HS trong tuần 33, soạn đề KT cuối kỳ và hướng dẫn chấm HKII, nộp đề kiểm tra HKII. - Các môn TD, MT, AN, Tin tự chọn, CN thi trong tuần 34 - Tổ chức kiểm tra HKII theo lịch: -Chấm thi, nhập điểm vào phần mềm, vào học bạ. - Duyệt chéo kết quả. - Hoàn tất báo cáo cuối năm. - Nộp kiểm tra HKII, sổ điểm cá nhân, sổ chủ nhiệm, sổ TT. - Kiểm tra chéo hồ sơ xét TNTHCS. - Xét TNTHCS. - Phân công GV ôn kiểm tra lại, xếp lịch kiểm tra lại, ôn tuyển sinh vào lớp 10. - Thông báo kết quả học tập, HK đến cha-mẹ HS.	15- 20/5		
		20-25/5		
		20- 31/5		